

Gia Lai, ngày 26 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO

VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC 6 THÁNG ĐẦU NĂM, TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CÔNG TÁC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018

A. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018:

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/12/2017 của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 5 - khóa XI về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2018; được sự quan tâm của Chính phủ và các bộ, ngành trung ương, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự giám sát của HĐND tỉnh, sự phối hợp của Mặt trận, các tổ chức đoàn thể, sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp, nhân dân và các doanh nghiệp trong tỉnh; UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo tổ chức triển khai thực hiện các mặt công tác trọng tâm sau:

I. VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, AN NINH - QUỐC PHÒNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm 2018 ước đạt 7,39%, trong đó nông, lâm nghiệp, thuỷ sản tăng 5,48%; công nghiệp - xây dựng tăng 8,0%; dịch vụ tăng 8,58%; thuế sản phẩm tăng 9,78%⁽¹⁾. Được thể hiện trên các lĩnh vực chủ yếu sau (có phụ lục số 1 kèm theo):

1. Về lĩnh vực kinh tế:

1.1. Nông lâm nghiệp:

- Vụ đông xuân 2017 - 2018, toàn tỉnh gieo trồng được 68.053 ha cây trồng các loại, đạt 103,9% kế hoạch, tăng 1% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng lương thực đạt 161.798 tấn, bằng 100,4% kế hoạch, tăng 3,5% (tăng 5.543 tấn). Diện tích gieo trồng, năng suất, sản lượng hầu hết các loại cây trồng đều đạt kế hoạch và tăng so với cùng kỳ; tuy nhiên, có một số cây trồng chính không đạt kế hoạch, trong đó mía chỉ đạt 62%, do giá đường và giá mía nguyên liệu giảm mạnh, đã ảnh hưởng đến sản xuất, thu mua nguyên liệu mía của các nhà máy đường trên địa bàn tỉnh và ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập, đời sống của người trồng mía⁽²⁾.

Sản xuất vụ mùa năm 2018: Tính đến ngày 21/6/2018, toàn tỉnh đã gieo trồng được 128.145 ha cây trồng các loại, đạt 62,8% kế hoạch, tăng 7,89% so với cùng kỳ.

Có 10/17 huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện chuyển đổi 527,2 ha (đạt 42,5% kế hoạch) đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng có giá trị kinh tế

¹ Tốc độ tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm 2017 ước đạt 8,97%, trong đó nông, lâm nghiệp, thuỷ sản tăng 5,58%, công nghiệp - xây dựng tăng 13,01%, dịch vụ tăng 8,35%, thuế sản phẩm tăng 7,35%. Số liệu tạm tính của tỉnh.

² Bắp 4.582 ha (trong đó bắp lai 3.549 ha) bằng 89,8% kế hoạch, tăng 10,2% so với cùng kỳ; rau các loại 11.183 ha, bằng 97% kế hoạch, tăng 1,4%; mía trồng mới 5.349 ha, bằng 62,1% kế hoạch, giảm 52,6%.

cao, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, phù hợp với nhu cầu thị trường⁽³⁾. Đã công nhận 13 vườn ươm giống cà phê đạt tiêu chuẩn, với quy mô sản xuất 1,8 triệu cây giống cà phê/năm (giống cà phê TRS1, TR4, TR9), đảm bảo cho nhu cầu cây giống trồng mới và trồng tái canh với diện tích 2.270 ha. Các địa phương đã thẩm định điều kiện tham gia chương trình tái canh cà phê cho 5.135 hộ với diện tích 2.685 ha⁽⁴⁾, tăng 415 ha so với kế hoạch.

Năm 2018 toàn tỉnh dự kiến xây dựng 33 cánh đồng lớn, với diện tích 2.936 ha. Đến nay có 06 tổ chức (03 doanh nghiệp và 03 hợp tác) liên kết với nông dân để lập 08 dự án xây dựng cánh đồng lớn, tổng quy mô 2.591 ha/23 cánh đồng lớn⁽⁵⁾. Có 20.617 ha cây trồng các loại ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước⁽⁶⁾.

- Chăn nuôi: Theo số liệu điều tra (thời điểm 01/4/2018), đàn trâu có 14.874 con, giảm 1,83% so với cùng kỳ; đàn bò 398.804 con, tăng 7,45%; đàn heo 426.384 con, giảm 5,54%; đàn gia cầm 2.927.520 con, tăng 25,05%. Tổng sản lượng thịt hơi các loại đạt khoảng 37.845 tấn, giảm 35,76%. Trong tháng 2/2018 trên địa bàn huyện Mang Yang có 189 con gia súc mắc bệnh lở mồm long móng (có 01 con chết), UBND tỉnh đã chỉ đạo kịp thời các biện pháp phòng chống dịch. UBND huyện Mang Yang đã công bố hết dịch trên địa bàn huyện vào cuối tháng 4/2018.

- Sản xuất lâm nghiệp: Tổ chức công bố công khai, bàn giao kết quả rà soát, điều chỉnh 3 loại rừng cho các địa phương, các đơn vị có liên quan để triển khai các hoạt động quản lý bảo vệ rừng, sản xuất kinh doanh lâm nghiệp theo đúng quy định. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp năm 2018 của tỉnh; tạm ứng 15,16 tỷ đồng cho các địa phương, đơn vị để chăm sóc diện tích rừng trồng năm 2017 và trồng mới 7.000 ha năm 2018 (trong đó trồng rừng phòng hộ 120 ha, rừng sản xuất 5.880 ha, trồng cây phân tán 1.000 ha). 6 tháng đầu năm thực hiện chăm sóc rừng 10.518 ha, đạt 100% kế hoạch; khoán bảo vệ rừng 143.273 ha, đạt 83%. Công tác thu, chi dịch vụ môi trường rừng thực hiện đúng quy định; số thu dịch vụ môi trường rừng 6 tháng đầu năm ước đạt 62 tỷ đồng, đạt 55% kế hoạch.

UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo triển khai các biện pháp phòng, chống cháy rừng trong mùa khô, tuy nhiên vẫn xảy ra 01 vụ cháy rừng tại lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ Ia Grai, huyện Ia Grai vào ngày 09/3, thiệt hại 57,6 ha (là diện tích rừng trồng thay thế chưa thành rừng). Hiện tỉnh đã ký kết Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ rừng vùng giáp ranh với các tỉnh (Đăk Lăk, Kon Tum, Phú Yên, Bình Định). 6 tháng đầu năm phát hiện 285 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng⁽⁷⁾,

³ Bắp 36,9 ha, lang 75 ha, mỳ 45 ha, rau đậu các loại 63,3 ha, cây hàng năm khác 273,8 ha, cây ăn quả 2 ha, mía 31,3 ha.

⁴ Ia Grai: 535 ha, Chu Păh: 265 ha, Chu Sê 233 ha; Chu Puh: 93 ha; Đăk Đoa: 401 ha; Đức Cơ: 153 ha; Mang Yang: 86 ha; Kbang: 224 ha; Chu Prông: 522 ha; Pleiku: 172 ha.

⁵ Có 05 dự án lập 18 cánh đồng lớn với 2.200 ha mía; 02 dự án lập 02 cánh đồng lớn với 199,3 ha cà phê; 02 dự án lập 02 cánh đồng lớn với 192 ha lúa; tổng kinh phí dự kiến là 761,36 tỷ đồng.

- Dự kiến trong 02 năm 2018-2019, Công ty Cổ phần xuất khẩu Đồng Giao sẽ liên kết nông dân để sản xuất khoảng 12.830 ha rau quả các loại, trong đó năm 2018 triển khai sản xuất khoảng 4.830 ha, gồm: Chanh dây 1.400 ha, đậu tương 1.100 ha, dứa 700 ha, chuối tiêu 230 ha, bắp ngọt 650 ha, rau chân vịt 600 ha, măng 150 ha.

⁶ Gồm: Hồ tiêu: 2.608,3 ha; cà phê: 9.915,3 ha; cây ăn quả: 1.933,1 ha; rau, màu: 1.777 ha; hoa: 3,3 ha; mía: 2.570,4 ha; các loại cây trồng khác: 1.809,6 ha.

⁷ Trong đó phá rừng làm rẫy 05 vụ, chế biến gỗ và lâm sản trái phép 03 vụ, khai thác rừng trái phép 19 vụ, vi phạm quy định về mua bán, vận chuyển, cất giữ lâm sản trái phép 194 vụ, vi phạm khác 03 vụ.

giảm 60 vụ so với cùng kỳ; đã xử lý hành chính 260 vụ, hình sự 08 vụ; tịch thu 627,76 m³ gỗ các loại và 47 phương tiện; thu nộp ngân sách trên 1,56 tỷ đồng.

1.2. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Năm 2018 có 11 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới và thị xã An Khê hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Phân bổ 163,9 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển năm 2018 hỗ trợ các địa phương thực hiện Chương trình (trong đó ngân sách trung ương 153,9 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 10 tỷ đồng). Triển khai xây dựng bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 áp dụng trên địa bàn tỉnh. Tập trung chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU của Tỉnh ủy về xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục duy trì 49 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Đến nay, toàn tỉnh có 51 xã đạt 19 tiêu chí; 02 xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí; 29 xã đạt từ 10-14 tiêu chí; 102 xã đạt từ 5-9 tiêu chí. Thành phố Pleiku đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

1.3. Công nghiệp: Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP) 6 tháng đầu năm ước tăng 9,57% so với cùng kỳ, trong đó: Công nghiệp khai khoáng tăng 6,05%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 24,96%; công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt giảm 1,48%; công nghiệp cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,95%. Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) ước thực hiện 9.705,9 tỷ đồng, bằng 49,36% kế hoạch, tăng 12,45% so với cùng kỳ; trong đó công nghiệp khai khoáng tăng 10,48%; công nghiệp chế biến chế tạo tăng 19,11%; công nghiệp sản xuất và phân phối điện giảm 0,86%; công nghiệp cung cấp nước, thu gom và xử lý rác thải tăng 3,26%⁽⁸⁾.

Khu Công nghiệp Trà Đa thu hút thêm 04 dự án với tổng vốn đăng ký 143,6 tỷ đồng. Hiện có 46 nhà đầu tư triển khai 51 dự án (có 04 dự án FDI), tổng vốn đầu tư đăng ký 1.959 tỷ đồng. Có 35 dự án đã đi vào hoạt động, giá trị sản xuất 6 tháng đầu năm ước đạt 1.610 tỷ đồng (tăng 33% so với cùng kỳ), nộp ngân sách nhà nước 13 tỷ đồng (giảm 23%), kim ngạch xuất khẩu đạt 85 triệu USD (giảm 15,3%), giải quyết việc làm cho 1.900 lao động (tăng 15%), với mức lương bình quân 5,1 triệu đồng/người/tháng.

Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh thu hút thêm 04 dự án với tổng vốn đăng ký 334,6 tỷ đồng. Hiện có 19 nhà đầu tư triển khai 26 dự án, tổng vốn đăng ký 725,3 tỷ đồng, có 10 dự án đã đi vào hoạt động, tổng doanh thu ước đạt 757 tỷ đồng. Kim ngạch xuất, nhập khẩu qua Cửa khẩu đạt 65 triệu USD, giảm 49%.

Đã phê duyệt quy hoạch chi tiết 13 cụm công nghiệp của các huyện, thị xã, thành phố; các cụm công nghiệp này đã thu hút 34 dự án đầu tư với diện tích hơn 62 ha, tổng vốn đăng ký 850 tỷ đồng, có 13 dự án đã đi vào hoạt động.

Hiện 222/222 xã, phường, thị trấn có lưới điện quốc gia, có 98,64% hộ sử dụng điện. Toàn tỉnh có 08 nhà máy thủy điện lớn do EVN đầu tư đang vận hành, với tổng công suất 1.907 MW; 36 thủy điện vừa và nhỏ đang vận hành với tổng công suất 294,45 MW (ngoài ra còn có 05 dự án thủy điện đang triển khai đầu tư với tổng công suất 44,7 MW; 14 dự án thủy điện có trong quy hoạch nhưng chưa có chủ trương đầu

⁸ Các sản phẩm tăng so với cùng kỳ: Chế biến đường tinh chế tăng 48,2%, sản phẩm MDF tăng 62,31%, xi măng tăng gấp 2,23 lần, đá granit tăng 1,52%, chè các loại tăng 5,23%.

- Các sản phẩm giảm so với cùng kỳ: Chế biến sữa giảm 47,3%, phân vi sinh giảm 4,98%, chế biến tinh bột sắn giảm 10%, sản lượng điện sản xuất tăng 0,98%.

tư với tổng công suất 45,4 MW). Sản lượng điện tiết kiệm 6 tháng ước đạt 9,25 triệu kWh, tương đương 17,5 tỷ đồng.

1.4. Đầu tư - Xây dựng:

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm ước thực hiện 9.677 tỷ đồng, đạt 43,99% kế hoạch (đạt 43,01% kế hoạch phấn đấu), tăng 9,08% so với cùng kỳ.

- UBND tỉnh đã phân bổ 3.276,7 tỷ đồng vốn đầu tư (nguồn ngân sách địa phương 1.541,1 tỷ đồng, ngân sách trung ương 1.735,6 tỷ đồng). Tính đến ngày 21/6 khối lượng thực hiện 493,833 tỷ đồng, đạt 15% kế hoạch; giải ngân 776,295 tỷ đồng, đạt 23,5%. Công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản được tỉnh chỉ đạo quyết liệt, đôn đốc, báo cáo định kỳ hàng tuần. Tuy nhiên, công tác chuẩn bị đầu tư một số dự án vẫn còn chậm trễ và kéo dài; trong số 64 dự án khởi công mới, đến nay có 01 dự án hoàn thành, 45 dự án đang triển khai thi công, các dự án khác đang hoàn chỉnh thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản⁽⁹⁾. UBND tỉnh đã phê bình các chủ đầu tư chậm trễ trong quá trình hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản đối với dự án khởi công mới⁽¹⁰⁾.

1.5. Thương mại - xuất nhập khẩu:

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 6 tháng đầu năm ước đạt 28.011 tỷ đồng, bằng 48,71% kế hoạch, tăng 13,38% so cùng kỳ. Nhìn chung lượng hàng hóa dồi dào, đa dạng, đảm bảo phụ vụ nhu cầu của người dân và cung ứng kịp thời đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là trong dịp lễ, Tết.

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5 tăng 0,31% so với tháng 4, tăng 3,56% so với cùng kỳ và tăng 2,09% so với cuối năm 2017⁽¹¹⁾.

- Các lực lượng chức năng đã tập trung triển khai kế hoạch cao điểm đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả; kiểm tra, kiểm soát thị trường, nhất là đối với những hàng hóa, dịch vụ đáp ứng trực tiếp nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết và các đợt nghỉ lễ; không để xảy ra tình trạng đầu cơ, găm hàng, tung tin thất thiệt gây tăng giá đột biến, cục bộ. 6 tháng đầu năm, các lực lượng chức năng thuộc Ban chỉ đạo 389 tỉnh đã phát hiện 2.476 vụ vi phạm, khởi tố xử lý hình sự 21 vụ, xử lý vi phạm hành chính 1.722 vụ; xử phạt vi phạm và bán hàng hóa tịch thu với số tiền gần 18,7 tỷ đồng.

- Kim ngạch xuất khẩu 6 tháng ước đạt 240,3 triệu USD, bằng 51,12% kế hoạch, giảm 7,97% so với cùng kỳ; do giá các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực như cà phê, cao su, tiêu hạt giảm mạnh so với cùng kỳ. (giá cà phê thu mua nội địa hiện còn 35.000 đồng - 36.000 đồng/kg, giảm hơn 20%; giá xuất khẩu bình quân 1.770

⁹ Gồm: 13 dự án đang lựa chọn nhà thầu thi công, 05 dự án đang lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công (Cụm công nghiệp Ia Sao - Ayun Pa, Chinh trang đô thị Pleiku, Xây dựng 3 đường khí Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Đầu tư trang thiết bị tuyến tỉnh, Thủy lợi hồ chứa nước Ia Rtô).

¹⁰ Công văn số 601/UBND-KTTH ngày 29/3/2018, các chủ đầu tư: UBND các huyện, thị xã thành phố: Pleiku, An Khê, Ayun Pa, Chu Prông, Đak Po, Kông, Chro, Kbang, Ia Grai, Chu Puh; BQLDA ĐTXD các công trình giao thông; BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp; Chi cục Kiểm lâm tỉnh; Bệnh viện đa khoa tỉnh.

¹¹ Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính có 03 nhóm hàng giảm so với tháng trước: Nhóm đồ uống và thuốc lá giảm 0,23%; văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,88%; hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,18%. 03 nhóm hàng tăng: Nhóm giao thông tăng 1,74%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,32%; nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD giảm 0,4%. 05 nhóm hàng bình ổn giá: Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép; bưu chính viễn thông; giáo dục; thuốc và dịch vụ y tế; thiết bị và đồ dùng gia đình.

USD/tấn, giảm 12,9%; giá cao su xuất khẩu bình quân 1.600 USD/tấn, giảm hơn 30%. Khối lượng sắn lát xuất khẩu giảm, làm kim ngạch xuất khẩu giảm hơn 4 triệu USD, do nguồn cung cho xuất khẩu hạn chế vì khối lượng nhập khẩu từ Campuchia giảm, nguồn hàng trong nước phục vụ chủ yếu cho các nhà máy chế biến Ethanol)⁽¹²⁾.

- Kim ngạch nhập khẩu 6 tháng ước đạt 55,11 triệu USD, bằng 64,08% kế hoạch, giảm 42,35% so với cùng kỳ. Kim ngạch nhập khẩu giảm mạnh chủ yếu tập trung vào mặt hàng gỗ nguyên liệu, sắn lát.

1.6. Tài chính - Ngân hàng:

a) Tài chính:

- Thu ngân sách trên địa bàn 6 tháng đầu năm ước đạt 2.251,3 tỷ đồng, bằng 56,52% dự toán trung ương giao, bằng 53,6% dự toán HĐND tỉnh giao (bằng 50,03% kế hoạch phấn đấu), tăng 3,25% so với cùng kỳ⁽¹³⁾; trong đó thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương đạt 49,38% dự toán HĐND tỉnh giao, thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương đạt 60,61%, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 260%, thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 51,84%, thu thuế bảo vệ môi trường đạt 49,23%, thu tiền sử dụng đất đạt 63,23%. 6 tháng đầu năm, đã thu được 171,8 tỷ đồng tiền nợ thuế năm 2017 chuyển sang. (có phụ lục số 2 kèm theo)

- Tổng chi ngân sách địa phương 6 tháng ước đạt 5.076,97 tỷ đồng, bằng 42,3% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 13,47% so với cùng kỳ. UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường công tác quản lý chi ngân sách, hướng dẫn việc triển khai thực hiện quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí.

Các kết luận của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán nhà nước được triển khai thực hiện nghiêm túc. Việc khắc phục kiến nghị của Thanh tra Chính phủ năm 2013 đạt 68% (do số tiền dự án 77,6 tỷ đồng của Công ty VKland hiện đang đề nghị điều chỉnh dự án và 8.069 tỷ đồng tiền bán gỗ chuyển đổi mục đích của dự án trồng cao su năm 2008 hiện thi hành án đang xử lý); thực hiện kiến nghị của Kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2012 đạt 94%, năm 2014 đạt 99%, năm 2015 đạt 93%, năm 2016 đạt 97,38%.

b) Ngân hàng: Ngành ngân hàng chấp hành nghiêm túc các quy định về mức lãi suất huy động, cho vay tối đa. Tiếp tục triển khai các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi như: Cho vay tái canh cà phê, hỗ trợ nhằm giảm tồn thắt trong nông nghiệp, khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, tưới tiết kiệm nước, chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, chương trình bình ổn thị trường, cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa... Tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn đến hết tháng 6 ước đạt 34.200 tỷ đồng, tăng 10% so với so với cùng kỳ và tăng 6% so với cuối năm 2017; tổng dư nợ cho vay 82.100 tỷ đồng, tăng

¹² Các mặt hàng xuất khẩu như sau: Cà phê 119.000 tấn/210,22 triệu USD, (tăng 12,92 % về lượng, giảm 2,2 % về giá trị); mủ cao su 1.560 tấn/2,5 triệu USD, (tăng 53,98% về lượng, tăng 3,46% về giá trị); sắn lát 19.600 tấn/4,25 triệu USD, (giảm 59,52% về lượng, giảm 50,05% về giá trị); sản phẩm gỗ 2 triệu USD; hàng khác đạt 21,29 triệu USD, giảm 34,79% so với cùng kỳ.

¹³ Có 03 địa phương có số thu dưới 50% kế hoạch (gồm: Đức Cơ đạt 44,9%, Đăk Pơ đạt 46,6%, An Khê 47,0%).

- Các khoản thu cân đối ngân sách đạt 2.246 tỷ đồng, bằng 56,39% dự toán trung ương giao, bằng 53,48% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 3,25% so với cùng kỳ.

13,5% so với cùng kỳ và tăng 5% so với cuối năm 2017; tỷ lệ nợ xấu chiếm 0,67% tổng dư nợ (550 tỷ đồng), giảm 0,53% so với cuối năm 2017⁽¹⁴⁾.

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội đã triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình cho vay hỗ trợ. Năm 2018 tỉnh đã tiếp tục bổ sung 10 tỷ đồng vốn ngân sách tỉnh, ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách (tổng vốn ủy thác từ ngân sách tỉnh đến nay là 95 tỷ đồng).

1.7. Giao thông vận tải: Ngành giao thông vận tải đã hướng dẫn các đơn vị kinh doanh vận tải xây dựng kế hoạch vận tải phục vụ trong dịp Tết, các đợt nghỉ lễ giỗ Tổ Hùng Vương, 30/4 - 1/5; thực hiện đúng quy định giá cước vận tải; tăng cường phương tiện, nâng cao chất lượng dịch vụ và tạo thuận lợi tối đa cho nhân dân đi lại; thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn kỹ thuật của các phương tiện vận tải, nhất là đối với xe ô tô khách giường nằm bắt buộc phải trang bị dây đai an toàn theo quy định. Tăng cường công tác kiểm tra, chấn chỉnh vi phạm về chở hàng quá khổ, quá tải, kiểm tra tốc độ vận hành của phương tiện kinh doanh vận tải thông qua thiết bị giám sát hành trình⁽¹⁵⁾.

Toàn tỉnh có 27 hợp tác xã và 468 doanh nghiệp có chức năng kinh doanh vận tải đường bộ với 3.521 phương tiện; có 09 bến xe, 10 cơ sở đào tạo lái xe (trong đó có 05 cơ sở đào tạo lái xe ô tô), 12 trung tâm sát hạch lái xe, 06 dây chuyền kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ.

Cảng Hàng không Pleiku có 03 chuyến bay/ngày Gia Lai - TP. Hồ Chí Minh (và ngược lại), 02 chuyến/ngày Gia Lai - Hà Nội, 03 chuyến/tuần Gia Lai - Hải Phòng, Gia Lai - Nghệ An. 6 tháng đầu năm, các hãng hàng không đã thực hiện 2.100 chuyến bay đi và đến, vận chuyển gần 340.000 lượt hành khách. Từ ngày 24/3/2018, Công ty Dịch vụ Hàng không Vasco đã ngừng khai thác đường bay từ Pleiku - Đà Nẵng và ngược lại.

Doanh thu vận tải 6 tháng đầu năm ước đạt 2.498 tỷ đồng, bằng 45,19% so với kế hoạch, tăng 12,32% so với cùng kỳ⁽¹⁶⁾.

1.8. Tài nguyên và môi trường: Tập trung quản lý quy hoạch, triển khai kế hoạch sử dụng đất. Tiếp tục rà soát lại các quỹ đất để xây dựng thông tin cụ thể nhằm kêu gọi đầu tư. Ban hành quy định về hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất và diện tích tối thiểu được phép tách thửa; quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh. 6 tháng đầu năm đã giao đất cho 18 tổ chức, với tổng diện tích 289,08 ha; cho 28 tổ chức thuê đất với tổng diện tích 1.072,74 ha.

¹⁴ Trong 6 tháng đầu năm có 03 chi nhánh ngân hàng mới đi vào hoạt động (Chi nhánh Ngân hàng Hợp tác xã, Chi nhánh Ngân hàng TMCP Hàng hải và Chi nhánh Ngân hàng TMCP Ngoại thương Bắc Gia Lai). Trên địa bàn hiện có 21 chi nhánh ngân hàng thương mại, 01 chi nhánh ngân hàng Hợp tác xã, 01 chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội, 01 chi nhánh ngân hàng phát triển và 06 quỹ tín dụng nhân dân với 125 điểm giao dịch. Toàn tỉnh có 172 máy ATM và 811 POS; có 1.819 đơn vị hưởng lương ngân sách nhà nước thực hiện trả lương qua tài khoản với 58.713 thẻ.

¹⁵ Qua kiểm tra, xử lý thông qua thiết bị giám sát hành trình phát hiện 213 phương tiện vi phạm thời gian lái xe liên tục, 34 phương tiện vi phạm tốc độ, 690 phương tiện vi phạm không truyền dữ liệu về máy chủ Tổng cục ĐBVN; xử lý thu hồi phù hiệu một tháng đối với 49 phương tiện vi phạm; 8 phương tiện vi phạm về tốc độ vận hành và thời gian lái xe liên tục.

¹⁶ Vận chuyển hàng hoá ước đạt 11.435 nghìn tấn, bằng 43,1% kế hoạch, tăng 10,48% so cùng kỳ; khối lượng luân chuyển ước đạt 1.838 triệu tấn/km, bằng 44,98% kế hoạch, tăng 10,05%. Vận chuyển hành khách ước đạt 248.510 nghìn hành khách, bằng 44,96% kế hoạch, tăng 6,5%; luân chuyển hành khách ước đạt 1.369 triệu hành khách/km, bằng 45,0% kế hoạch, tăng 11,27%.

Cấp 09 giấy phép thăm dò khoáng sản, 02 giấy phép khai thác khoáng sản, thu hồi 01 giấy phép khai thác khoáng sản, phê duyệt tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 10 khu vực mỏ, 02 giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất; phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường 09 dự án. Tiếp tục triển khai Đề án điều tra, đánh giá khoanh định vùng cấm và vùng hạn chế khai thác sử dụng nước dưới đất. Tập trung kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, khai thác khoáng sản, nhất là khai thác cát, sỏi.

Đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đạt 95,81%, với diện tích 981.935,74 ha và 804.796 giấy (đất tổ chức đạt 99,41%, đất hộ gia đình, cá nhân đạt 90,76%). (có phụ lục số 3 kèm theo)

2. Công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, kêu gọi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp:

- Theo công bố của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) năm 2017 của tỉnh đứng thứ 43 toàn quốc, đứng thứ 3 khu vực Tây Nguyên, tăng 03 bậc so với năm 2016; điểm tổng hợp đạt 60,91 điểm, tăng 3,49 điểm so với 2016⁽¹⁷⁾. Theo công bố của Bộ Nội vụ, chỉ số cải cách hành chính (Par Index) năm 2017 của tỉnh đứng thứ 50/63 tỉnh, thành phố, với chỉ số trung bình đạt 73,68, giảm 25 bậc so với năm 2016 và đứng thứ 3 khu vực Tây Nguyên⁽¹⁸⁾. UBND tỉnh đã rà soát, phân tích đánh giá cụ thể từng tiêu chí, các mặt yếu kém của từng sở, ngành, địa phương để chỉ đạo xây dựng kế hoạch khắc phục.

- UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo. Lắng nghe và kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Mời đại diện các hiệp hội, câu lạc bộ doanh nghiệp tham dự các hội nghị có liên quan của tỉnh, hội nghị trực tuyến của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương để doanh nghiệp nắm, tham gia, đồng hành trong quá trình triển khai thực hiện. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp được tham gia các hội chợ, triển lãm, góp phần quảng bá sản phẩm; tổ chức đối thoại định kỳ với cộng đồng doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

- Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là trong công tác cải cách thủ tục hành chính, tiếp tục có chuyển biến tích cực. 100% các thông tin chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh được cung cấp trên công thông tin điện tử, dịch vụ hành chính công trực tuyến. Các sở, ngành, địa phương đã cung cấp hơn 1.492 thủ tục hành chính công trực tuyến mức độ 2; 344 thủ tục mức độ 3 và 52 thủ tục mức độ 4; có 17/17 UBND cấp huyện, 18 đơn vị cấp sở, ban, ngành đã được triển khai mô hình “Một cửa điện tử liên thông”. Đã triển khai bước đầu việc giao, đôn đốc và nhắc việc qua tin nhắn SMS đến lãnh đạo các sở, ngành, địa phương.

- Trong 6 tháng có 345 doanh nghiệp và 165 chi nhánh thành lập mới, đạt 44,8% kế hoạch (tăng 20,6% so với cùng kỳ); tổng vốn đăng ký 2.210 tỷ đồng (tăng 21,8%); xử lý giải thể 37 doanh nghiệp và 18 đơn vị trực thuộc (giảm 9,7%); có 66 doanh nghiệp và 17 đơn vị trực thuộc tạm ngưng hoạt động. Toàn tỉnh hiện có 4.465

¹⁷ Lâm Đồng đứng thứ 22 (tăng 5 bậc), Đăk Lăk 31 (giảm 3 bậc), Kon Tum 61 (giảm 5 bậc), Đăk Nông 63 (giảm 2 bậc).

¹⁸ Đăk Lăk đứng thứ 43 (giảm 17 bậc), Lâm Đồng 48 (không tăng, giảm), Đăk Nông 56 (giảm 01 bậc), Kon Tum 58 (không tăng, giảm).

doanh nghiệp đăng ký hoạt động với tổng vốn đăng ký hơn 87.758 tỷ đồng. (có phụ lục số 4 kèm theo).

- Tổ chức thành công Hội nghị xúc tiến đầu tư giữa thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Gia Lai năm 2018; tại hội nghị đã trao quyết định chủ trương đầu tư cho 10 dự án với tổng vốn đăng ký gần 5.000 tỷ đồng và ký kết biên bản ghi nhớ đầu tư dự án với 11 nhà đầu tư tổng vốn đăng ký trên 17.000 tỷ đồng.

- Trong 6 tháng đầu năm có 30 dự án được phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, với tổng vốn đăng ký 3.871 tỷ đồng. Hiện trên địa bàn có 57 dự án đã được phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư và đang triển khai các thủ tục, với tổng vốn đăng ký 9.000 tỷ đồng. Có 60 dự án được các nhà đầu tư quan tâm, đề xuất thực hiện, với tổng vốn đăng ký khoảng 20.000 tỷ đồng. Ngoài ra còn có 32 dự án điện mặt trời của 23 nhà đầu tư đã được thông nhất chủ trương khảo sát, nghiên cứu đầu tư, với quy mô 3.951 MW (02 dự án đã được Bộ Công thương phê duyệt bổ sung quy hoạch, 09 dự án đang trình bổ sung quy hoạch, 21 dự án đang khảo sát).

- Đã phê duyệt phương án cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Cà Phê Gia Lai và Công ty TNHH MTV Chè Biển Hồ, đang xét chọn nhà đầu tư chiến lược, phê duyệt bắn công bố thông tin và triển khai các thủ tục có liên quan để bán đấu giá công khai cổ phần tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công tác phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã được chỉ đạo quyết liệt và đã có nhiều chuyển biến. 6 tháng đầu năm đã thành lập mới 26 hợp tác xã. Toàn tỉnh hiện có 166 hợp tác xã hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012 (gồm 120 HTX nông nghiệp, 20 HTX vận tải, 09 HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, 07 HTX xây dựng, 04 HTX thương mại và 06 quỹ tín dụng nhân dân) với 16.138 thành viên và giải quyết việc làm cho 1.6470 lao động. Ngoài ra còn có 719 tổ hợp tác với 6.912 thành viên.

3. Về văn hóa - xã hội:

3.1. Giáo dục- Đào tạo: Hoạt động dạy và học đảm bảo theo kế hoạch, các nhiệm vụ trọng tâm được toàn ngành thực hiện nghiêm túc, tích cực. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; kiểm tra việc thực hiện quy chế trường mầm non tư thục; tiếp tục triển khai kế hoạch tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; thực hiện các biện pháp nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp THPT năm 2018. Thực hiện kịp thời các chính sách hỗ trợ học sinh. Rà soát, chấn chỉnh việc dạy thêm, học thêm, việc lạm thu dưới mọi hình thức.

Cơ sở trường lớp, trang thiết bị dạy và học tiếp tục được nâng cấp⁽¹⁹⁾. Chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, chất lượng dạy và học được nâng lên. Năm học 2017-2018 tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 87,5%, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở cấp THCS đạt 84%. Hiện có 269 trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia, đạt 32,18% (gồm: 66 trường mầm non, 104 trường tiểu học, 85 trường THCS, 14 trường THPT).

3.2. Y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình:

- Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho ngành y tế. Toàn tỉnh hiện có 3.870 giường bệnh (tuyến tỉnh 1.630 giường, tuyến huyện 1.200 giường, tuyến xã 1.040 giường), đạt tỷ lệ 24,56 giường bệnh/vạn dân; có 4.483 cán bộ y tế (trong đó có 887 bác sĩ, 328 dược sĩ), 2.082 nhân viên y tế thôn bản; đạt tỷ lệ 7,69 bác sĩ/vạn dân;

¹⁹ Toàn tỉnh hiện có 836 trường mầm non và phổ thông với 13.887 lớp học (270 trường mầm non, 3.879 lớp; 278 trường tiểu học, 6.358 lớp; 241 trường THCS, 2.681 lớp; 47 trường THPT, 969 lớp)

87,4% số xã có bác sỹ; 100% số xã có nữ hộ sinh. Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 73%.

- 6 tháng đầu năm không có dịch lớn xảy ra trên địa bàn; các dịch bệnh như sốt xuất huyết, tay chân miệng... giảm so với cùng kỳ; dịch hạch, tả, bệnh than, uốn ván sơ sinh, viêm não mô cầu không có trường hợp mắc/chết; không ghi nhận ca mắc các dịch bệnh mới nổi như Cúm A, MERS-CoV, Ebola, bệnh do virus Zika. Khám, điều trị cho 303 bệnh nhân sốt xuất huyết, giảm 38,9% so với cùng kỳ (không có tử vong); 300 bệnh nhân sốt rét; 1.732 bệnh nhân phong; 770 bệnh nhân lao; 5.788 bệnh nhân tâm thần. Phát hiện mới 26 bệnh nhân nhiễm HIV, 06 bệnh nhân AIDS; có 06 trường hợp tử vong do AIDS. Việc cung ứng thuốc, vắc xin và vật tư y tế cho phòng chống dịch, khám chữa bệnh được đảm bảo.

Xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm tại xã Ia Ko, huyện Chư Sê vào ngày 28/02/2018 (có 25 người nhập viện, không có tử vong), nguyên nhân do ăn thịt gà chết có tồn dư thuốc diệt chuột Fokeba 20CP. Tổ chức thanh kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm 4.436 lượt cơ sở, phát hiện 812 cơ sở vi phạm.

3.3. Văn hoá - Thể thao - Du lịch:

- Các hoạt động nhân dịp Tết Nguyên đán, các ngày lễ kỷ niệm, các sự kiện nổi bật của tỉnh được tổ chức chu đáo. Công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc được chú trọng; hoàn thành công trình Bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa căn cứ địa cách mạng Khu 10, xã Krong, huyện Kbang; quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử Phong trào nông dân Tây Sơn (Tây Sơn thượng đạo).

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 08/NQ-TW của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục thể thao đến năm 2020. Đa dạng hóa các hoạt động thể dục thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu tập luyện của nhân dân. Đã tổ chức, phối hợp tổ chức thành công các giải thể thao trên địa bàn và tham gia các giải thể thao khu vực, toàn quốc theo kế hoạch, nổi bật như: Giải Billiards Snooker các câu lạc bộ toàn quốc (vòng 1), giải bóng đá U19 Quốc tế, Đại hội Thể dục thể thao tỉnh lần thứ VIII - năm 2018, Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2018.

- Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý bổ sung Khu du lịch Biển Hồ - Chư Đăng Ya vào danh mục các địa điểm tiềm năng phát triển Khu du lịch quốc gia. Hoạt động quảng bá xúc tiến, liên kết phát triển du lịch được chú trọng; phối hợp Đài Truyền hình Việt Nam, Báo Nhân dân, Tổng công ty Du lịch Sài Gòn quảng bá du lịch tỉnh; tổ chức khảo sát xây dựng sản phẩm và toạ đàm liên kết phát triển sản phẩm và quảng bá du lịch giữa Gia Lai và thành phố Hồ Chí Minh; phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông triển khai quảng bá du lịch của tỉnh qua dịch vụ tin nhắn SMS. Tổ chức phổ biến văn bản pháp luật triển khai Luật Du lịch cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh; triển khai Bộ Quy tắc ứng xử văn minh du lịch đến các cơ sở lưu trú, điểm du lịch, doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, đơn vị vận chuyển khách... 6 tháng đầu năm có hơn 331.000 lượt khách du lịch đến tỉnh, tăng 15% so với cùng kỳ (có 7.700 lượt khách quốc tế tăng 30%). Doanh thu du lịch ước đạt 136 tỷ đồng tăng 17%. Toàn tỉnh có 09 doanh nghiệp lữ hành, 79 cơ sở lưu trú với tổng số 2.013 buồng.

3.4. Thông tin - truyền thông - Phát thanh truyền hình:

- Cơ sở hạ tầng, các thiết bị thuộc mạng lưới bưu chính viễn thông trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định; các doanh nghiệp viễn thông đã đảm bảo an toàn thông tin liên lạc các dịp tết, lễ. Toàn tỉnh có 1.518 trạm thu phát sóng (BTS), 07 trạm điều khiển

thông tin di động (BSC). Tỷ lệ thuê bao điện thoại đạt 89,02% thuê bao/100 dân; tỷ lệ sử dụng Internet đạt 49,95%. Doanh thu bưu chính, viễn thông 6 tháng đầu năm ước đạt 809 tỷ đồng, tăng 1,62% so với cùng kỳ.

- Toàn tỉnh hiện có 04 cơ quan báo chí địa phương và 23 cơ quan có văn phòng đại diện hoặc phóng viên thường trú. UBND tỉnh đã thực hiện đúng quy định về họp báo định kỳ, cung cấp cho các cơ quan báo chí thông tin chính thức, làm rõ những vấn đề được dư luận xã hội quan tâm. Hoạt động thông tin, báo chí, phát thanh truyền hình đã tập trung tuyên truyền việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các hoạt động chính trị, các hoạt động chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm. Báo Gia Lai phát hành 143 kỳ với 1.312.700 tờ. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã phát thanh 6.679 giờ, truyền hình 20.498 giờ (trong đó tiếng Bahnar và tiếng Jrai 362 giờ). Hiện có 213/222 xã, phường, thị trấn có báo đến trong ngày (tỷ lệ 95,95%).

3.5. Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Tổ chức trọng thể Lễ đón, truy điệu và an táng 21 hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh qua các thời kỳ ở Campuchia về Nghĩa trang liệt sĩ Đức Cơ. Tập trung giải quyết hồ sơ tồn đọng cho người có công. Toàn tỉnh hiện có 21/21 Bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống được các cơ quan, đơn vị nhận chăm sóc.

- 6 tháng đầu năm đã giải quyết việc làm cho 12.800 lao động, đạt 51,2% kế hoạch, tăng 6,5% so với cùng kỳ (trong đó xuất khẩu lao động 730 người; tuyển sinh đào tạo 5.071 người). Lệ lao động qua đào tạo nghề (tỷ lệ qua đào tạo giáo dục nghề nghiệp) ước đạt 32,18%, tăng 0,58% so với cùng kỳ. Tập trung triển khai công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2018.

- Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với người có công; người hưởng chính sách trợ giúp xã hội; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người nghèo; đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách khác. Trong dịp Tết Nguyên đán đã chuyển kịp thời 14.606 suất quà của Chủ tịch nước, 12.003 suất quà của tỉnh, 6.989 suất của huyện, 332 suất của xã và 938 suất của doanh nghiệp cho các đối tượng người có công, với số tiền hơn 6,3 tỷ đồng. Phân bổ kịp thời 556 tấn gạo trung ương hỗ trợ trong dịp Tết và 617 tấn gạo cứu đói trong thời gian giáp hạt năm 2018; ngoài ra, các địa phương đã chủ động hỗ trợ 92,74 tấn gạo.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Đến cuối năm 2017 tỷ lệ hộ nghèo giảm 3,21% so với năm 2016 (số liệu báo cáo HĐND tỉnh kỳ họp cuối năm 2017 là 3%), còn 13,34%; tỷ lệ hộ cận nghèo 9,83%. UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện chương trình, với nhiệm vụ trọng tâm là đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phân bổ kịp thời các nguồn vốn, triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện chương trình và mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 13,04% (giảm 3% trở lên) vào cuối năm 2018.

- 6 tháng đầu năm đã thực hiện chi trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp 1.200 tỷ đồng, tăng 20,1% so với cùng kỳ. Thu bảo hiểm các loại 1.092 tỷ đồng, tăng 15,8%. Toàn tỉnh hiện có 80.735 người tham gia bảo hiểm xã hội, chiếm 8,97% lực lượng lao động (có 1.136 người tham gia BHXH tự nguyện); 64.673 người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, chiếm 7,2% lực lượng lao động; 1.275.406 người tham gia bảo hiểm y tế, chiếm 87,3% dân số của tỉnh. Nợ đọng các loại bảo hiểm gần 175 tỷ đồng, chiếm 8% tổng số phải thu.

3.6. Khoa học và Công nghệ: Tiếp tục hướng dẫn 03 dự án Trung ương quản lý và quản lý 03 dự án Trung ương ủy quyền tỉnh quản lý thuộc chương trình nông thôn miền núi thực hiện từ năm 2017, 2018; quản lý, theo dõi 24 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đang triển khai thực hiện; tiến hành tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án đối với 09 nhiệm vụ triển khai năm 2018; nghiệm thu 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; cấp 03 giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ. Hướng dẫn 28 tổ chức, cá nhân về đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; hỗ trợ xây dựng hồ sơ dự án xây dựng nhãn hiệu “Gạo Phú Thiện” và “rau An Khê”. Tiếp nhận 20 hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực an toàn bức xạ hạt nhân; kiểm định và hiệu chuẩn 2.980 phương tiện đo lường và thử nghiệm 542 mẫu sản phẩm. Hoàn thiện dự án: “Đầu tư tăng cường năng lực Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao công nghệ tỉnh”.

3.7. Công tác dân tộc: 6 tháng đầu năm các chương trình, chính sách dân tộc được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện kịp thời.

- Các mặt hàng chính sách theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg đã thực hiện cấp phát 28,478 tấn giống ngô lai, phân bón 1.300 tấn và lúa giống 38,384 tấn đạt 100% kế hoạch; 1.060 con bò giống cho 1.060 hộ nghèo đạt 53% kế hoạch. Kinh phí thực hiện 27,2 tỷ đồng, đạt 32,56% kế hoạch.

- Chương trình 135 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, năm 2018 tỉnh bố trí 169,63 tỷ đồng (ngân sách trung ương 154,21 tỷ đồng; ngân sách tỉnh đối ứng 15,42 tỷ đồng), hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và hỗ trợ phát triển sản xuất cho 65 xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới và 238 thôn đặc biệt khó khăn. Đến nay đang tổ chức triển khai thực hiện các bước cung ứng tập trung bò giống sinh sản, giống cây trồng, phân bón; vốn hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn thực hiện và giải ngân ước đạt 40% kế hoạch; vốn duy tu, bảo dưỡng thực hiện và giải ngân ước đạt 50% kế hoạch.

- Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chính sách đặt thù hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh. Tổng hợp danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2018. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số”.

3.8. Công tác phối hợp với Mặt trận, các hội đoàn thể: Công tác phối hợp giữa UBND tỉnh với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức hội, đoàn thể tiếp tục được đẩy mạnh. Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, chú trọng thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Ban chấp hành trung ương về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội. Phối hợp triển khai có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận trong xã hội; xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân thông qua các cuộc vận động. Tích cực phối hợp trong cải cách hành chính; xử lý các thông tin, phản ánh, kiến nghị của người dân về phòng chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện tốt nhiệm vụ phát huy dân chủ ở cơ sở; đánh giá sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với dịch vụ hành chính công để tạo chuyển biến mạnh từ tỉnh đến xã. Thúc đẩy các hoạt động an sinh xã hội, giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường và tích cực ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng ngừa, phát hiện tố giác tội phạm và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

4. Lĩnh vực nội chính:

4.1. Công tác đảm bảo an ninh chính trị, quốc phòng, quân sự địa phương:

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tiếp tục được giữ vững ổn định; các lực lượng chức năng duy trì nghiêm kỷ luật quân đội, chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tổ chức tuần tra canh gác bảo đảm an toàn, tăng cường bám địa bàn, nắm dân và phối hợp chặt chẽ với chính quyền cơ sở thực hiện các biện pháp công tác bảo vệ biên giới, ngăn chặn vượt biên, quản lý tạm trú tại khu vực biên giới; gọi hỏi, răn đe các đối tượng liên quan hoạt động Fulro, “Tin lành Đê ga”, tà đạo “Hà Mòn”; bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa 3 lực lượng công an, quân sự, biên phòng. Tổ chức giao quân năm 2018 đạt 100% kế hoạch (2.200 quân). Phối hợp diễn tập A3 cùng với các lực lượng vũ trang của Quân khu 5. Xây dựng và tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện năm 2018 cho huyện Chư Puh, huyện Chư Sê và Công ty cao su Chư Prông.

4.2. Công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội:

- Phạm pháp hình sự: 6 tháng đầu năm xảy ra 418 vụ; làm chết 19 người, bị thương 112 người; tổng thiệt hại về tài sản khoảng 8,1 tỷ đồng; giảm 23 vụ so với cùng kỳ (418/441 vụ), tăng 01 người chết (19/18 người), giảm 22 người bị thương (112/134 người). Tội phạm xâm phạm về trật tự xã hội được kiềm chế, không để xảy tội phạm có tổ chức, hoạt động băng, nhóm theo kiểu “xã hội đen”; tội phạm xâm phạm nhân thân. Tuy nhiên, tội phạm hình sự hoạt động với tính chất ngày càng phức tạp, nguy hiểm, nhiều vụ giết người, cố ý gây thương tích tinh chất mạnh động; chống người thi hành công vụ tăng; tội phạm tàng trữ, mua bán, sử dụng vũ khí gây án tăng, có dấu hiệu hoạt động băng nhóm thanh toán, đòi nợ thuê.

Đã điều tra làm rõ 360/459 vụ (tiếp nhận điều tra 27 vụ, mở rộng điều tra 14 vụ), đạt tỷ lệ 78,43%, làm rõ 618 đối tượng, bắt 350 đối tượng, thu hồi tài sản trị giá khoảng 01 tỷ đồng; khởi tố 527 vụ, 803 bị can; kết luận điều tra, chuyển viện kiểm sát đề nghị truy tố 383 vụ, 772 bị can.

- Tai nạn giao thông: Trong 6 tháng đầu năm xảy ra 207 vụ tai nạn giao thông, làm chết 142 người, bị thương 202 người; so với cùng kỳ giảm 07 vụ (-3,27%), tăng 05 người chết (+3,65%), giảm 80 người bị thương (-28,37%). Nguyên nhân tai nạn hầu hết lỗi do ý thức chủ quan của người tham gia giao thông (chiếm 91,79%); tai nạn giao thông liên quan đến người dân tộc thiểu số xảy ra nhiều (chiếm 48,31%), có 07 địa phương có số người chết do tai nạn giao thông tăng so với cùng kỳ⁽²⁰⁾. Phát hiện 53.971 trường hợp vi phạm, xử phạt 47.676 trường hợp (tăng 54,41%) với số tiền 23 tỷ đồng; tạm giữ 12.451 phương tiện, 27.533 giấy tờ các loại, tước 2.222 giấy phép lái xe.

- Tội phạm ma túy: Phát hiện 106 vụ (188 đối tượng) mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép ma túy (tăng 37 vụ so với cùng kỳ), hầu hết là nhỏ lẻ, tập trung chủ yếu ở thành phố Pleiku (chiếm 63,2%), chưa phát hiện đường dây vận chuyển, mua bán ma túy, chất gây nghiện lớn từ địa phương khác hoặc thẩm lậu từ Campuchia vào địa bàn tỉnh.

- Tai, tệ nạn khác: Xảy ra 43 vụ cháy⁽²¹⁾ (tăng 54% so với cùng kỳ), làm chết

²⁰ Gồm: Đức Cơ tăng 11 người chết; Chư Prông tăng 05 người; Krông Pa, Ia Grai, Kông Chro và An Khê mỗi nơi tăng 02 người, Đak Đoa tăng 01 người.

²¹ gồm: 18 vụ cháy nhà dân, 20 vụ cháy rẫy mía,...

02 người, bị thương 01 người, thiệt hại về tài sản khoảng 4 tỷ đồng. Tự tử 55 vụ⁽²²⁾, làm chết 54 người. Đuối nước 30 vụ, chết 37 người. Xảy ra 03 vụ nổ, làm bị thương 02 người (01 vụ nổ kho đạn Lữ đoàn tăng thiết giáp 273, Quân đoàn 3). 39 vụ tai nạn khác, làm chết 25 người, bị thương 32 người.

4.3. Công tác nội vụ: Tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp bộ máy hành chính theo quy định của Trung ương và Tỉnh ủy (Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017; Kế hoạch số 120-KH/TU ngày 19/3/2018 và Chương trình số 64-CTr/TU ngày 05/6/2018 của Tỉnh ủy). Rà soát, đánh giá thực trạng bằng cấp, tiêu chuẩn công chức, tiêu chí việc làm của từng cán bộ, nhân viên, từng đơn vị; xác định lại vị trí việc làm, giảm bớt đầu mối trung gian; sắp xếp lại bộ máy hành chính đảm bảo đạt năng suất lao động ngày càng tốt hơn. Đã phê duyệt 86 thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển công chức theo chỉ tiêu biên chế năm 2017. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Kế hoạch tinh giản biên chế của tỉnh giai đoạn 2015-2021. Tăng cường kiểm tra việc chấp hành giờ giấc làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.

- Đồng chí Đặng Thị Ngọc Thịnh - Phó Chủ tịch nước đã tham dự Lễ phát động thi đua năm 2018 và trao tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho cá nhân có quá trình cống hiến và các tập thể, cá nhân của tỉnh có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước từ năm 2012 đến năm 2017 của tỉnh. UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị về phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và chào mừng kỷ niệm 70 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc - Ngày Truyền thống thi đua yêu nước (11/6/1948 - 11/6/2018). Tổ chức cuộc thi viết “Gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến xuất sắc” tỉnh Gia Lai lần thứ III.

- Công tác tôn giáo: Bên cạnh việc tăng cường quản lý nhà nước về an ninh trật tự lĩnh vực tôn giáo, các địa phương đã tạo điều kiện cho các tôn giáo sinh hoạt bình thường, đúng pháp luật; một số cơ sở tôn giáo tổ chức các hoạt động trao quà nhân đạo, từ thiện nhân dịp Tết Nguyên đán.

4.4. Công tác tư pháp: Việc tuyên truyền, triển khai các văn bản pháp luật mới được thực hiện kịp thời. Ban hành Kế hoạch triển khai công tác pháp chế và công tác văn bản quy phạm pháp luật năm 2018; Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh thiếu niên giai đoạn 2018 - 2020” trên địa bàn tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm đã thẩm định, góp ý 69 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; xác minh 1.582 hồ sơ, cấp 1.451 phiếu lý lịch tư pháp; thực hiện trợ giúp pháp lý 235 vụ việc. Các tổ chức hành nghề công chứng đã công chứng 28.214 việc. Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh đã đấu giá thành 23 vụ, giá trị trên 33,5 tỷ đồng.

4.5. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng:

- Triển khai 90 cuộc thanh tra về quản lý, sử dụng ngân sách, đất công và thực hiện quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng tại 108 đơn vị, đã kết thúc 59 cuộc tại 74 đơn vị, phát hiện sai phạm với số tiền trên 16,14 tỷ đồng, kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước trên 8,5 tỷ đồng, hoàn trả ngân sách 745 triệu đồng, giảm trừ quyết toán gần 441 triệu đồng; chuyển cơ quan điều tra 03 vụ.

- Trong 6 tháng đầu năm các ngành, các cấp đã tiếp 1.986 lượt công dân (tiếp thường xuyên 1.257 lượt, Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban

²² 29 vụ liên quan đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm 52,72%.

nhân dân các cấp tiếp công dân định kỳ 729 lượt). Tiếp nhận 143 đơn khiếu nại, tố cáo (57 đơn thuộc thẩm quyền), tổng số vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết là 75 vụ (có 18 vụ năm 2017 chuyển sang), đã xác minh, giải quyết 61 vụ; ngoài ra các ngành, các cấp đã tiếp nhận và xử lý 1.106 đơn kiến nghị.

4.6. Ngoại vụ: Duy trì tốt mối quan hệ truyền thống với các tỉnh Nam Lào và Đông Bắc Campuchia, đã tổ chức đi thăm, chúc Tết cổ truyền các tỉnh Attapeu, Champasak - Lào và các tỉnh Ratanakiri, Stung Treng, Preah Vihear - Campuchia. Tăng cường công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế, nhất là ngoại giao kinh tế, xúc tiến đầu tư, thúc đẩy quan hệ hợp tác theo phương châm đa dạng hóa đối tác, lĩnh vực đối tác. Thực hiện chu đáo công tác đón tiếp khách nước ngoài (6 tháng đầu năm có 57 đoàn 580 khách nước ngoài đến thăm, làm việc tại tỉnh). UBND tỉnh cử và cho phép 17 đoàn với 95 lượt cán bộ, công chức đoàn đi công tác, bồi dưỡng, dự hội nghị, hội thảo, trao đổi kinh nghiệm tại một số quốc gia, khu vực. Phối hợp với cơ quan trung ương triển khai đợt hoạt động chung tìm kiếm MIA (Tìm kiếm quân nhân Mỹ mất tích trong chiến tranh Việt Nam) lần thứ 130 trên địa bàn tỉnh.

ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, chỉ đạo của trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã được UBND tỉnh triển khai kịp thời. 6 tháng đầu năm, kinh tế - xã hội có bước phát triển. Thu ngân sách nhà nước trong kỳ cao nhất từ trước đến nay, giá trị sản xuất công nghiệp, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, nguồn vốn huy động - cho vay ngân hàng, tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đều tăng so với cùng kỳ; các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn trái phiếu chính phủ, vốn ODA được phân bổ kịp thời, tạo điều kiện cho các chủ đầu tư chủ động triển khai kế hoạch; công tác quản lý, bình ổn giá cả, phòng chống gian lận thương mại được triển khai quyết liệt; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (CPI) tiếp tục được cải thiện; số doanh nghiệp, hợp tác xã thành lập mới tăng khá. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội, giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, thông tin - truyền thông tiếp tục có bước phát triển; quan tâm và chăm lo các gia đình chính sách, người có công, đối tượng xã hội cộng đồng. Tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, công chức từng bước được nâng cao. Các vấn đề bức xúc xã hội được tập trung xử lý. Công tác đối ngoại được tăng cường. An ninh chính trị, an ninh biên giới, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Tuy nhiên, tình hình sản xuất một số lĩnh vực còn khó khăn. Giá cả một số mặt hàng nông sản xuống thấp (mía nguyên liệu, tiêu, cao su, cà phê...) ảnh hưởng đến sản xuất và thu nhập của người dân; việc triển khai một số chương trình, dự án trong sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vẫn còn nhiều hạn chế, chưa thật sự tạo được sự lan tỏa; tình trạng phá rừng, khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép ở một số địa phương vẫn còn diễn ra, một số vụ việc có tính chất phức tạp. Công tác quản lý theo quy hoạch; quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản, môi trường còn bất cập, nhất là việc san lấp, phân lô, tách thửa, bán nền, xây dựng không đúng quy định. Một số dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước vẫn chậm hoàn thành thủ tục; công tác giải phóng mặt bằng còn vướng mắc; giải ngân vốn chưa đạt yêu cầu. Một số dự án kêu gọi đầu tư chậm triển khai thực hiện và kéo dài. Vẫn còn tình trạng học sinh bỏ học, chủ yếu là ở các địa bàn khó khăn vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Công tác cải cách hành chính chưa được cải thiện, tụt 25 bậc; trách nhiệm của một số

người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chưa cao, công tác phối hợp chưa tốt. Số người chết vì tai nạn giao thông tăng; phạm pháp hình sự, tự tử, đuối nước nhiều; an ninh nông thôn, trật tự an toàn xã hội vẫn diễn biến phức tạp. Tình trạng vay tín dụng đen diễn ra ở một số địa phương.

B. MỘT SỐ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018:

I/ Công tác chỉ đạo, điều hành:

1. Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức, yêu cầu các sở, ngành, địa phương, đơn vị tập trung rà soát, khắc phục khó khăn, khai thác tối đa tiềm năng, tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp của UBND tỉnh đã đề ra tại công văn số 1076/UBND-KTTH ngày 24/5/2018 về kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2018; quyết tâm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch, trong đó phấn đấu tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) đạt 8% (kế hoạch đầu năm là 7.8%), thu ngân sách đạt 4.500 tỷ đồng (kế hoạch đầu năm là 4.200 tỷ đồng).

Đề nghị Thường trực Huyện ủy, Thường trực HĐND huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát việc triển khai có hiệu quả các chương trình công tác, nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh và từng địa phương, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, dự toán ngân sách năm 2018.

2. Hoàn thành đúng tiến độ các nội dung theo kế hoạch, chương trình làm việc của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh. Chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND tỉnh về kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; xác định rõ mục tiêu, trách nhiệm, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, đơn vị chủ trì. Tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ của từng tổ chức, cá nhân.

3. Thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của UBND tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật, hiệu quả thực thi pháp luật và sự chỉ đạo, điều hành. Thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí. Từng cấp, từng ngành, cơ quan, đơn vị đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, trách nhiệm cá nhân của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực thi nhiệm vụ.

4. Các sở, ngành, địa phương, đơn vị quán triệt cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật hành chính, kỷ luật lao động; khẩn trương tập trung giải quyết, xử lý công việc, nhất là những thủ tục trực tiếp liên quan đến sản xuất, kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp và nhân dân.

5. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức hội, đoàn thể tiếp tục triển khai có hiệu quả việc củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; tham gia xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo; mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động công tác đối thoại nhân dân. Tập trung tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên cùng các tầng lớp nhân dân đoàn kết, chung sức, đồng lòng, thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; triển khai thực hiện sâu rộng, có hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua. Đồng thời tăng cường giám sát việc

thực hiện các nhiệm vụ của các cấp chính quyền, nhất là trong việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư, chế độ, chính sách tại cơ sở.

II/ Lĩnh vực kinh tế:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chủ trì, cùng các sở, ngành, địa phương, đơn vị khẩn trương triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 theo đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành, địa phương khẩn trương thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch, triển khai xây dựng quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tranh thủ thời tiết thuận lợi để chỉ đạo triển khai hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất nông nghiệp; cung ứng kịp thời giống cây, con đầm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu của người dân. Chủ động triển khai công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, các biện pháp ứng phó với các hiện tượng thời tiết cực đoan (mưa đá, lốc xoáy, dông, sét,...). Triển khai các kế hoạch, chương trình của ngành nông nghiệp để tạo chuyển biến rõ nét, theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới; tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình phát triển cánh đồng lớn, tái canh cây cà phê; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; thực hiện đề án đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp; tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Chủ động triển khai kịp thời công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Tập trung thực hiện công tác quản lý giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng nông sản.

- Chủ động kêu gọi các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình tham gia trồng rừng sản xuất, đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch trồng mới 7.000 ha rừng trong năm 2018 và chăm sóc diện tích rừng đã trồng. Tăng cường kiểm tra hoạt động khai thác, chế biến gỗ trái phép, phát hiện và xử lý kịp thời những vi phạm Luật Quản lý bảo vệ rừng.

- Tập trung triển khai thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp về xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số. Huy động các nguồn lực, triển khai các giải pháp then chốt, đảm bảo có hiệu quả, phù hợp với điều kiện địa phương để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Phối hợp triển khai tốt kế hoạch quân đội tham gia xây dựng nông thôn mới. Phần đầu trong năm 2018 có thêm ít nhất 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới và thị xã An Khê hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các ngành, địa phương tăng cường công tác kiểm tra quản lý, sử dụng về đất đai, tài nguyên, khoáng sản và môi trường theo quy hoạch, nhất là việc san lấp, phân lô, tách thửa, bán nền, xây dựng không đúng quy định pháp luật trên địa bàn. Rà soát, đề xuất điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, rà soát lại các quỹ đất và hoàn thành việc xây dựng thông tin cụ thể nhằm phục vụ công tác kêu gọi đầu tư. Hoàn thành đúng tiến độ dự án tổng thể xây dựng hệ thống dữ liệu hồ sơ địa chính và cơ sở quản lý đất đai tỉnh. Tập trung thực hiện việc đo đạc, lập bản đồ địa chính, cắm mốc ranh giới sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty nông lâm nghiệp. Thực hiện

nghiêm Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai. Tập trung xử lý nghiêm tình trạng gây ô nhiễm môi trường, khai thác tài nguyên, khoáng sản trái phép trên địa bàn

4. Sở Công Thương phối hợp với các sở, ngành, địa phương thường xuyên theo dõi tiến độ sản xuất của các nhà máy chế biến, kịp thời cùng với các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, đảm bảo cho các nhà máy chế biến có đủ nguyên liệu để hoạt động ổn định, nâng cao công suất và mua hết nguyên liệu cho người dân. Phát huy công suất các nhà máy điện, nước, khí đốt hiện có, đồng thời tạo điều kiện cho các nhà đầu tư hoàn tất thủ tục sớm đưa dự án vào hoạt động. Chỉ đạo các nhà máy thủy điện thực hiện điều tiết các hồ chứa chặt chẽ, hợp lý. Khẩn trương hoàn thành các quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối) trên địa bàn tỉnh. Thực hiện Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ về hoạt động thương mại biên giới; Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Rà soát và có giải pháp đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, nhất là các mặt hàng có lợi thế của tỉnh, tăng tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng qua chế biến, đảm bảo kim ngạch xuất khẩu đạt 470 triệu USD. Thực hiện tốt các hoạt động xúc tiến thương mại; tích cực hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa. Tăng cường công tác quản lý thị trường, kiểm tra, kiểm soát, chống các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm, ổn định thị trường giá cả, đảm bảo hàng hóa khi lưu thông trên thị trường phải thực hiện kê khai giá, đăng ký giá, niêm yết giá và bán theo giá niêm yết.

5. Các, sở, ngành, địa phương, các chủ đầu tư tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 29/5/2018 của UBND tỉnh về tăng cường công tác quản lý thực hiện đầu tư công năm 2018. Theo dõi chặt chẽ tình hình giải ngân vốn đầu tư công, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với từng dự án cụ thể, đảm bảo đến 30/9/2018 phải giải ngân trên 60% kế hoạch vốn được giao và hoàn thành sớm giải ngân hết số vốn kế hoạch năm 2018. Tăng cường tính minh bạch, hiệu lực, hiệu quả công tác đấu thầu; đẩy mạnh đấu thầu qua mạng theo lộ trình. Thực hiện tốt công tác phối hợp, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án quan trọng trên địa bàn như: Đường Hồ Chí Minh đoạn tránh thị trấn Chư Sê; đường tỉnh 665 (vốn ADB); cải tạo, nâng cấp các Quốc lộ 14, 25, 19C; các công trình thủy lợi, công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường như: dự án đầu tư hồ chứa nước Plei Thơ Ga, hồ chứa nước Tàu Dầu, thủy lợi Pleikeo, thủy lợi Ia Mờ,...

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018, đề xuất xử lý các sở, ngành, địa phương, ban quản lý dự án, chủ đầu tư không thực hiện nghiêm Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 29/5/2018 của UBND tỉnh.

Các sở, ngành, địa phương, các chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh công tác đấu thầu trong các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

6. Sở Tài chính và các sở, ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ tài chính, ngân sách nhà nước một cách chủ động, tích cực; xây dựng các biện pháp cụ thể để

phản đầu thu ngân sách năm 2018 đạt 4.500 tỷ đồng. Thu hồi kịp thời các khoản phát hiện qua kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; có giải pháp giảm nợ đọng thuế. Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động tài chính - ngân sách nhà nước, bảo đảm chi ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả và theo dự toán được giao. Tăng cường quản lý nhà, đất, tài sản, xe công đúng mục đích, đúng định mức. Đẩy nhanh việc thực hiện giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Văn bản số 159/Ttg-ĐMDN ngày 31/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ nhằm huy động các nguồn thu từ các đơn vị sự nghiệp.

- Kho bạc Nhà nước tăng cường công tác kiểm soát chi, kiên quyết từ chối các khoản chi không đúng chế độ, không đủ thủ tục thanh toán.

III/ Lĩnh vực cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ doanh nghiệp, kinh tế tập thể:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương:

- Tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ, toàn diện kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch hành động số 1147/KH-UBND ngày 31/5/2018 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2018 và những năm tiếp theo.

- Đề xuất các giải pháp, chính sách cải thiện căn bản, tạo chuyển biến mạnh mẽ các chỉ số về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tạo môi trường kinh doanh bình đẳng theo cơ chế thị trường. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư. Thực hiện đúng tiến độ công tác cổ phần hóa 02 doanh nghiệp nhà nước. Triển khai Chương trình doanh nghiệp khởi nghiệp. Tăng cường công tác phối hợp, cung cấp thông tin các hiệp hội, câu lạc bộ doanh nghiệp để doanh nghiệp nắm, tham gia, đồng hành trong quá trình triển khai thực hiện.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Rà soát các vướng mắc của các dự án để tham mưu UBND tỉnh các giải pháp cụ thể chỉ đạo các sở ban ngành tạo điều kiện hỗ trợ, giúp đỡ và tháo gỡ khó khăn cho nhà đầu tư. Đôn đốc các nhà đầu tư triển khai dự án đúng quy định, đồng thời kiên quyết thu hồi các dự án vi phạm, không triển khai thực hiện theo đúng nội dung cam kết. Hướng dẫn các địa phương xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

- Thực hiện nghiêm Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 09/8/2017 của Chính phủ. Chủ động rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền loại bỏ ngay các thủ tục, quy định làm phát sinh chi phí không chính thức; bãi bỏ điều kiện kinh doanh không cần thiết, làm gia tăng chi phí cho doanh nghiệp, gây cạnh tranh không bình đẳng.

- Khẩn trương đưa Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh vào hoạt động. Củng cố, kiện toàn Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 12/01/2017 của UBND tỉnh về đẩy mạnh phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh. Quan tâm, tạo điều kiện để các hợp tác xã thay đổi mô hình hoạt động, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng hoạt động, gắn với chuỗi giá trị; chú trọng việc phát triển HTX tại các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, các mô hình hợp tác xã nông nghiệp gắn với du lịch, cung cấp dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển cảnh đồng lúa.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh chỉ đạo các ngân hàng thương mại tiếp tục triển khai việc thực hiện các chính sách tín dụng nhằm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân, các chính sách ưu đãi về tái canh cây cà phê, tưới tiết kiệm nước, cho vay hỗ trợ nhà ở... Tuyên truyền, vận động nhân dân vay vốn và sử dụng có hiệu quả vốn vay từ các chương trình ưu đãi trong lĩnh vực nông nghiệp, nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội để làm nhà ở, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững. Phối hợp tốt với chính quyền địa phương, các ngành chức năng tuyên truyền cho người dân biết, hiểu rõ về các quyền và nghĩa vụ, tính an toàn trong việc tham gia vay vốn qua hệ thống ngân hàng; thông tin rộng rãi các gói vay vốn ưu đãi, các quỹ hỗ trợ của nhà nước, địa phương để người dân vay vốn. Triển khai các giải pháp đơn giản hóa các thủ tục vay vốn, đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh mức lãi suất phù hợp để người dân nghèo, nhất là người dân tộc thiểu số dễ dàng tiếp cận, vay vốn; không để các đối tượng lợi dụng sự thiếu hiểu biết của người dân để cho vay với lãi suất cao.

IV/ Lĩnh vực văn hóa - xã hội:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị đảm bảo điều kiện tốt nhất cho kỳ thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển đại học, cao đẳng năm 2018. Triển khai công tác tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2018-2019. Quản lý tốt cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học của các trường học trong dịp hè; phối hợp với các địa phương tổ chức tốt các hoạt động hè cho học sinh; tạo điều kiện cho học sinh, trẻ em tham gia rèn luyện sức khỏe, tập bơi, phòng chống đuối nước. Duy trì tốt kết quả, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục. Chuẩn bị đủ các điều kiện về trường, lớp học, cung ứng thiết bị dạy và học, vở học sinh, sách giao khoa để bước vào năm học mới. Tập trung các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường chuẩn quốc gia.

2. Sở Y tế và các địa phương thực hiện tốt các hoạt động phòng chống dịch, giám sát dịch tễ; chỉ đạo các đơn vị triển khai tốt công tác khám chữa bệnh; sử dụng hiệu quả các máy móc, trang thiết bị mới đầu tư, mua sắm. Tăng cường công tác kiểm tra an toàn thực phẩm, nhất là đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh rau, củ, quả, bánh, kẹo, rượu, các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở giết mổ, kinh doanh gia cầm, chế biến thực phẩm; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn thực phẩm. Đảm bảo cung ứng đủ thuốc thiết yếu, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ cho khám chữa bệnh, phòng, chống dịch bệnh và khi có thiên tai xảy ra. Tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc, đảm bảo chất lượng thuốc khi đưa vào sử dụng. Nâng cao khả năng quản lý và xử lý chất thải y tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở. Triển khai thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020. Tranh thủ huy động các nguồn lực đầu tư cho y tế xã để nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị.

3. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và các địa phương tổ chức tốt các hoạt động nhân kỷ niệm 71 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2018); triển khai thực hiện giai đoạn 2 theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng. Phối hợp với các sở, ngành, địa phương xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể để triển khai kế hoạch giảm nghèo năm 2018, trong đó đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu đến cuối năm 2018 toàn tỉnh không còn hộ nghèo là người có công (hiện có 380 hộ); tập trung đẩy nhanh giảm nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai kế hoạch đào tạo

nghề cho lao động nông thôn năm 2018; nâng cao chất lượng đào tạo lao động, hỗ trợ giải quyết việc làm. Tổ chức tốt việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và chính quyền, đoàn thể trong quản lý, giám sát, hướng dẫn trẻ em vui chơi an toàn, lành mạnh, bồi dưỡng phòng, chống tai nạn, thương tích, nhất là đuối nước trong dịp hè.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các địa phương tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá du lịch, đổi mới hình thức, nội dung quảng bá du lịch để xây dựng và giới thiệu hình ảnh du lịch Gia Lai đến du khách trong và ngoài nước; đẩy mạnh hợp tác, liên kết phát triển du lịch với các tỉnh thành trong nước và hỗ trợ nhau phát triển nhằm phát huy thế mạnh du lịch của mỗi địa phương, đặc biệt chú trọng phát triển du lịch sinh thái, du lịch khám phá, du lịch về nguồn. Tăng cường đầu tư hạ tầng cho du lịch; hình thành các tour, tuyến. Triển khai lập quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Biển Hồ - Chư Đăng Ya để thu hút đầu tư thành Khu du lịch quốc gia. Chuẩn bị và tổ chức tốt Festival văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên tại tỉnh năm 2018. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị; quản lý tốt các hoạt động tổ chức lễ hội, biểu diễn nghệ thuật. Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc thực hiện Nghị quyết 08/NQ-TW của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục thể thao đến năm 2020, chiến lược phát triển thể dục thể thao đến năm 2020.

5. Sở Khoa học và Công nghệ phát huy vai trò khoa học - công nghệ, đảm bảo các đề tài nghiên cứu phải gắn và áp dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống để tăng năng suất lao động, tăng khả năng cạnh tranh, nâng cao thu nhập cho người dân. Khẩn trương triển khai thực hiện việc đăng ký, bảo hộ, quảng bá một số thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa chủ lực của tỉnh.

6. Sở Thông tin và Truyền thông nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về báo chí. Thực hiện nghiêm quy chế phát ngôn; cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của trung ương, của tỉnh và những vấn đề dư luận quan tâm. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền Luật An ninh mạng. Đầu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thù địch, thông tin xấu, độc; xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng, đưa tin bịa đặt, sai sự thật, kích động, gây bất ổn xã hội.

V/ Lĩnh vực nội chính:

1. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và các ngành, địa phương tiếp tục triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị trung ương đứng chân trên địa bàn chủ động theo dõi, nắm chắc tình hình, thực hiện đồng bộ các biện pháp bảo vệ biên giới, phòng chống vượt biên, xâm nhập. Đẩy mạnh công tác đấu tranh, bóc gỡ, xử lý các đối tượng hoạt động phục hồi FULRO, "Tin lành Đêga", các biện pháp giải quyết "tà đạo Hà Mòn".

2. Thanh tra tỉnh và các sở, ngành, địa phương nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tập trung rà soát, giải quyết các vụ khiếu kiện kéo dài, các tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, không để phát sinh điểm nóng.

Đề nghị cơ quan thi hành án tập trung rà soát, phân loại án dân sự, làm tốt công tác xác minh điều kiện thi hành án nhằm thi hành kịp thời các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực.

3. Sở Nội vụ và các sở, ngành, địa phương triển khai phương án sắp xếp bộ máy các đơn vị sự nghiệp, phương án sắp xếp các cơ quan hành chính của các đơn vị,

địa phương theo Nghị quyết Trung ương 6. Phân bổ biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2018 cho các cơ quan, địa phương.

4. Công an tỉnh đẩy mạnh thực hiện cao điểm tấn công trấn áp tội phạm và truy bắt tội phạm. Thực hiện hiệu quả đợt tổng kiểm tra, vận động, thu hồi, phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi vi phạm về vũ khí, vật liệu nổ; công cụ hỗ trợ. Quản lý tốt các đối tượng tại cộng đồng, nhất là số tù tha, thanh thiếu niên hư. Xử lý nghiêm các vụ vi phạm về khai thác, vận chuyển khoáng sản, lâm sản trái phép. Có các giải pháp cụ thể để giảm thiểu các tai, tệ nạn xã hội như: tự tử, chết đuối. Tập trung kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh các thiểu sót trong công tác phòng cháy chữa cháy, nhất là tại các chợ, khu thương mại, nhà cao tầng,...

5. Các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện nghiêm Thông báo số 12/TB-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh và triển khai quyết liệt kế hoạch năm an toàn giao thông 2018 với chủ đề “An toàn giao thông cho trẻ em”, với mục tiêu phấn đấu giảm từ 5 - 10% cả 3 tiêu chí; đặc biệt là giảm tỷ lệ thương vong do tai nạn giao thông đối với trẻ em 10% so với năm 2017; nếu địa phương nào để tai nạn giao thông tăng cao thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh.

Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Ban An toàn giao thông tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các lực lượng chức năng thường xuyên tuần tra kiểm soát (nghiêm cấm tùy tiện lập các chốt cố định để kiểm tra mà buông lỏng tuần tra kiểm soát) đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

6. Nâng cao hiệu quả công tác hội nhập quốc tế, với trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế. Chủ động kết nối với các tổ chức ngoại giao, tổ chức quốc tế; cung cấp, trao đổi thông tin quảng bá, giới thiệu tiềm năng, vận động, kêu gọi đầu tư nước ngoài vào tỉnh.

Bên cạnh những thuận lợi, các kết quả đạt được trong thời gian qua, trong điều kiện còn nhiều khó khăn chung đã được dự báo trước, để đảm bảo hoàn thành, hoàn thành các chỉ tiêu phấn đấu của kế hoạch năm 2018 thì các nhiệm vụ của 6 tháng cuối năm vẫn còn khá nặng nề. Được sự quan tâm của Chính phủ và các bộ, ngành trung ương, các địa phương bạn, sự lãnh đạo của ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, sự giám sát của HĐND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận và các Hội, Đoàn thể, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết liệt hành động, ra sức khắc phục hạn chế, yếu kém, cùng tháo gỡ khó khăn, nỗ lực phấn đấu đạt mức cao nhất, thực hiện thành công các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng, đối ngoại năm 2018, góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ kế hoạch giai đoạn 2016-2020.//

Nơi nhận:

- VPCP (Vụ Địa phương);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ban chỉ đạo Tây Nguyên;
- T/T Tỉnh ủy; T/T HĐND tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- T/T UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, Website, KTTH, CV các khôi.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Hoàng



BÁO CÁO CHỈ TIÊU TỔNG HỢP KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH GIA LAI

Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2018
(Kèm theo Báo cáo số: 72 /BC-UBND ngày 26/6/2018 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 6 tháng năm 2017	Kế hoạch 2018	Ước thực hiện 6 tháng năm 2018	Ước thực hiện cả năm 2018	Ước 6 tháng đầu năm 2018 so với	
							KH (%)	CK (%)
A CHỈ TIÊU GRDP								
I	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh GRDP (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	16.788,2	41.886,8	18.029,4	41.966,7	107,8	107,39
1	+ Nông, lâm nghiệp, thuỷ sản	Tỷ đồng	3.893,03	13.825,6	4.106,29	13.830,85	105,70	105,48
2	+ Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	4.946,88	11.670,3	5.342,49	11.744,15	109,00	108,00
3	+ Dịch vụ	Tỷ đồng	7.468,70	15.185,7	8.054,14	15.185,67	108,64	107,84
4	+ Thuế sản phẩm	Tỷ đồng	479,55	1.205,2	526,45	1.206,00	109,93	109,78
II	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (số lũy kế)	Xã	30	60	49	60	81,7	163,3
B NÔNG - LÂM - THỦY SẢN								
I	Giá trị sản xuất nông-lâm-thủy sản (giá SS 2010)	Tỷ đồng	7.507	27.046	8.045	27.052	29,75	107,17
1	Nông nghiệp	Tỷ đồng	7.265	26.421	7.826	26.425	29,62	107,71
2	Lâm nghiệp	Tỷ đồng	202	425	179	426	42,05	88,63
3	Thủy sản	Tỷ đồng	40	200	41	201	20,31	101,93
II	Các chỉ tiêu chủ yếu							
1	Nông nghiệp							
1.1	Trồng trọt							
+	Tổng diện tích gieo trồng vụ Đông xuân	Ha	67.348	65.510	68.053	68.053	103,88	101,05
+	Tổng sản lượng lương thực	Tấn	156.255	161.187	161.798	161.798	100,38	103,55
	Trong đó: Thóc	Tấn	140.887	141.127	143.862	143.862	101,94	102,11
1.2	Chăn nuôi							
a	Đàn trâu tổng số	Con	14.507	15.800	14.874	15.800	94,14	102,53
b	Đàn bò tổng số	Con	473.607	400.000	398.804	400.000	99,70	84,21
c	Đàn heo tổng số	Con	447.810	469.000	426.384	469.000	90,91	95,22
1.3	Lâm nghiệp							
a	Khai thác gỗ	1000m3	54,6	100	62	100	62,04	113,63
b	Trồng rừng tập trung	Ha		7.000		7.000	0,00	
c	Chăm sóc rừng:	Ha	1.755,0	10.518	10.518	10.518	100,00	599,32
d	Khoán QLBV rừng	Ha	144.174	172.523	143.273	172.523	83,05	99,38
1.4	Thủy sản							
a	Diện tích	Ha	13.100	14.410	13.440	14.410	93,27	102,60

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 6 tháng năm 2017	Kế hoạch 2018	Ước thực hiện 6 tháng năm 2018	Ước thực hiện cả năm 2018	Ước 6 tháng đầu năm 2018 so với	
							KH (%)	CK (%)
b	Sản lượng	Tấn	1.323	6.010	1.350	6.010	22,46	102,04
C NGÀNH CÔNG NGHIỆP								
I	Giá trị so sánh 2010 (GO)	Tỷ đồng	8.631,7	19.663	9.706	19.828	49,36	112,45
1	Công nghiệp khai thác	Tỷ đồng	48,9	240	54	240	22,50	110,48
2	Công nghiệp chế biến	Tỷ đồng	5.716,6	12.657	6.809	12.822	53,80	119,11
3	Công nghiệp SX và phân phối điện, nước, khí đốt...	Tỷ đồng	2.834,2	6.685	2.810	6.685	42,03	99,14
4	Công nghiệp cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	32,0	81	33	81	40,83	103,26
D NGÀNH DỊCH VỤ								
I	Tổng mức lưu chuyển HH bán lẻ trên địa bàn	Tỷ đồng	24.705	57.500	28.011	57.500	48,71	113,38
II	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn	Tr. USD	261,1	470	240,3	470	51,12	92,03
III	Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn	Tr. USD	95,6	86,0	55,1	86	64,08	57,65
IV	Ngân hàng							
1	Tổng nguồn vốn huy động	Tỷ đồng	31.082	37.100	34.200	37.100	92,18	110,03
2	Tổng số dư nợ	Tỷ đồng	72.368	89.900	82.100	89.900	91,32	113,45
3	Trong đó nợ xấu/tổng số dư nợ	%	0,45	≤ 2	0,67	0,70		
V	Vận tải							
1	Doanh thu	Tỷ đồng	2.224	5.527	2.498	5.527	45,20	112,32
2	KL vận chuyển hàng hóa	Nghìn tấn	10.350	26.529	11.435	26.529	43,10	110,48
3	KL luân chuyển hàng hóa	Triệu tấn.Km	1.670	4.086	1.838	4.086	44,99	110,05
4	KL vận chuyển hành khách	Nghìn HK	8.394	20.616	9.270	20.616	44,97	110,44
5	KL luân chuyển hành khách	Triệu HK.Km	1.231	3.043	1.369	3.043	44,99	111,21
VI	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	2.180,4	4.200	2.251,3	4.500	53,60	103,25
VII	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	4.474,2	12.002,2	5.077,0	12.113,7	42,30	113,47
VIII	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	8.871	22.500	9.677	22.500	43,01	109,08
E	CÁC CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI							
1	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	12.020	25.000	12.800	25.000	51,20	106,49
-	Trong đó: Thông qua xuất khẩu lao động	Người	720	1.400	730	1.400	52,14	101,39
2	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%		49		49		
3	Số hộ thoát khỏi nghèo trong năm	Hộ		13.368		13.368		
4	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	87,00	88,00	87,5	88,00		

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 6 tháng năm 2017	Kế hoạch 2018	Ước thực hiện 6 tháng năm 2018	Ước thực hiện cả năm 2018	Ước 6 tháng đầu năm 2018 so với	
							KH (%)	CK (%)
6	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	27,57	33,00	32,18	33,00		
7	Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	22,86	25,60	24,56	25,60		
8	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	7,67	7,73	7,69	7,73		
9	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ	%	86,50	88,00	87,40	88,00		
10	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đủ liều	%	40,74	97,00	43,12	97,00		
11	Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi	%			19,20		19,20	
12	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	81,26	86,90			88,50	
F CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG								
1	Tỷ lệ diện tích che phủ rừng (kể cả cây cao su)	%			46,35	46,25	46,35	
2	Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch	%			99,00	99,00	99,00	
3	Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh	%			92,50	92,30	93,00	
4	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%			93,50	93,50	93,50	



TỈNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN ĐẾN NGÀY 30/6/2018 CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
 (kèm theo Báo cáo số 14/BC-UBND ngày 26/6/2018 của UBND tỉnh Gia Lai)

S T T	Đơn vị	Ước thực hiện đến ngày 30/6/2018						Gồm						% Thực hiện so với dự toán					
		Tổng thu NSNN (kê cả tiền sử dụng đất)	6 = 7+8	Tổng thu NSNN (không kê tiền sử dụng đất)	6a=7+10	Thuế	Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thuế còn lại	% so với dự toán năm (kê cả tiền sử dụng đất)	% so với dự toán năm (không kê tiền sử dụng đất)	Biện pháp tài chính	Thuế (kê cả tiền sử dụng đất)	% so với dự toán năm (không kê tiền sử dụng đất)	Biện pháp tài chính	Thuế (kê cả tiền sử dụng đất)	% so với dự toán năm (không kê tiền sử dụng đất)	Thue (không kê tiền sử dụng đất)		
A	B																		
1	IaPa	15.424	14.604	962	14.462	820	13.642	148,3%	149,0%	56,6%	149,0%	166,2%	168,4%	166,2%	168,4%				
2	Phú Thiện	22.011	16.511	849	21.162	5.500	15.662	108,7%	94,1%	36,1%	112,5%	118,2%	103,0%	118,2%	103,0%				
3	Krông Pa	16.558	12.858	1.606	14.952	3.700	11.252	75,3%	77,9%	51,8%	79,1%	84,0%	84,0%	79,1%	84,0%				
4	Chư Prông	37.000	28.500	2.000	35.000	8.500	26.500	74,0%	72,9%	69,0%	74,3%	73,2%	73,2%	72,9%	73,2%				
5	Chư Sê	50.000	30.000	6.500	43.500	20.000	23.500	54,8%	70,8%	185,7%	49,6%	60,4%	60,4%	49,6%	60,4%				
6	KBang	20.896	16.946	3.478	17.417	3.950	13.467	63,6%	59,6%	136,4%	57,5%	52,0%	52,0%	57,5%	52,0%				
7	Đăk Đoa	36.941	21.441	746	36.195	15.500	20.695	78,8%	59,5%	24,5%	82,6%	62,7%	62,7%	82,6%	62,7%				
8	Pleiku	506.417	351.537	7.840	498.577	154.880	343.697	57,3%	57,3%	74,7%	57,0%	57,0%	57,0%	57,0%	57,0%				
9	Mang Yang	14.428	10.378	1.627	12.801	4.050	8.751	60,1%	56,1%	90,4%	57,7%	52,4%	52,4%	57,7%	52,4%				
10	Ia Grai	32.740	23.740	2.000	30.740	9.000	21.740	65,9%	55,0%	53,3%	67,0%	55,2%	55,2%	67,0%	55,2%				
11	AyunPa	30.888	26.888	1.828	29.060	4.000	25.060	53,9%	52,9%	67,7%	53,2%	52,0%	52,0%	53,2%	52,0%				
12	Chư Püh	19.536	9.336	1.771	17.765	10.200	7.565	70,8%	52,4%	68,1%	71,1%	49,8%	49,8%	71,1%	49,8%				
13	Đăk Pơ	9.274	8.024	1.394	7.880	1.250	6.630	46,6%	51,8%	60,6%	44,8%	50,2%	50,2%	44,8%	50,2%				
14	Kông Chro	10.437	8.687	849	9.588	1.750	7.838	51,5%	49,5%	36,1%	53,6%	51,6%	51,6%	53,6%	51,6%				
15	Chư Päh	25.596	10.296	1.275	24.321	15.300	9.021	80,5%	49,3%	56,7%	82,3%	48,4%	48,4%	82,3%	48,4%				
16	Đức Cơ	18.190	13.990	2.450	15.740	4.200	11.540	44,9%	47,3%	84,5%	41,9%	43,2%	43,2%	41,9%	43,2%				
17	An Khê	39.511	32.111	2.340	37.171	7.400	29.771	47,0%	46,6%	57,1%	46,5%	45,9%	45,9%	46,5%	45,9%				
18	Văn phòng Cục	1.189.753	1.189.753	-	-	-	1.189.753	49,6%	49,6%	49,6%	49,6%	49,6%	49,6%	49,6%	49,6%				
19	Đơn vị TW và tinh	155.700	155.700	-	-	-	-	54,0%	54,0%	54,0%	54,0%	54,0%	54,0%	54,0%	54,0%				
Tđô: XNK		63.000	63.000	-	-	-	-	31,8%	31,8%	31,8%	31,8%	31,8%	31,8%	31,8%	31,8%				
Tổng cộng		2.251.300	1.981.300	195.215	2.056.085	270.000	1.786.085	53,60%	52,51%	56,91%	53,31%	52,07%	52,07%	53,31%	52,07%				

ĐVT: Triệu đồng

**KẾT QUẢ CẤP GIẤY LÀN ĐẦU ĐẾN 20/05/2018
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**

STT	TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	NHU CẦU CẦN CẤP	ĐÃ CẤP		TỶ LỆ %
			DIỆN TÍCH	SỐ GCN	
I	HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN	426.080,61	386.720,57	799.109	90,76
1	THÀNH PHỐ PLEIKU	16.132,69	15.207,28	134.459	94,26
2	THỊ XÃ AN KHÊ	11.392,42	10.182,39	22.026	89,38
3	THỊ XÃ AYUNPA	9.968,99	8.889,66	9256	89,17
4	HUYỆN IA PA	17.030,22	16.254,01	66832	95,44
5	HUYỆN KRÔNG PA	30.283,68	25.959,83	17.229	85,72
6	HUYỆN PHÚ THIỆN	26.565,02	23.369,43	69.864	87,97
7	HUYỆN CHU SÊ	30.318,23	28.708,81	43.801	94,69
8	HUYỆN CHU PUH	20.606,86	18.708,61	26.955	90,79
9	HUYỆN CHU PRÔNG	39.003,32	36.518,97	95948	93,63
10	HUYỆN ĐỨC CƠ	27.027,54	25.158,68	34.684	93,09
11	HUYỆN IA GRAI	37.237,89	35.276,87	41.770	94,73
12	HUYỆN CHU PĂH	29.528,09	26.699,57	42235	90,42
13	HUYỆN MANG YANG	32.893,21	32.079,70	45.667,00	97,53
14	HUYỆN ĐĂK PƠ	18.331,42	14.637,70	26.689	79,85
15	HUYỆN KBANG	30.407,51	24.393,78	37.733	80,22
16	HUYỆN KÔNG CHRO	17.322,43	15.050,12	42235	86,88
17	HUYỆN ĐĂK ĐOA	32.031,09	29.625,16	41.726	92,49
II	ĐẤT TỔ CHỨC	598.744,18	595215,17	5687	99,41
TỔNG TOÀN TỈNH		1.024.824,79	981.935,74	804.796	95,81

Phụ lục 04

**TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018 CHIA
THEO ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, TP PLEIKU**

STT	ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN	SỐ LƯỢNG DN CÓ ĐỀN 31/12 /2017	KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DN 2018	TÌNH HÌNH THÀNH LẬP MỚI 6 THÁNG 2018			
				THỰC HIỆN 6T/2017	ƯỚC THỰC HIỆN 6T/2018	SO VỚI CÙNG KỲ (%)	SO VỚI KẾ HOẠCH (%)
1	Huyện Chư Păh	98	20	8	7	-12,50	35,00
2	Huyện Chư Prông	129	18	11	9	-18,18	50,00
3	Huyện Chư Puh	69	14	5	7	40,00	50,00
4	Huyện Chư Sê	227	40	12	16	33,33	40,00
5	Huyện Đăk Đoa	99	26	7	9	28,57	34,62
6	Huyện ĐăkPơ	59	14	6	4	-33,33	28,57
7	Huyện Đức Cơ	98	16	5	13	160,00	81,25
8	Huyện Ia Grai	147	22	7	13	85,71	59,09
9	Huyện IaPa	33	10	6	3	-50,00	30,00
10	Huyện Kbang	74	16	5	6	20,00	37,50
11	Huyện Kông Chro	58	12	6	4	-33,33	33,33
12	Huyện Krông Pa	66	18	7	2	-71,43	11,11
13	Huyện Mang Yang	61	12	4	3	-25,00	25,00
14	Huyện Phú Thiện	42	12	6	5	-16,67	41,67
15	Thành phố Pleiku	2597	460	163	225	38,04	48,91
16	Thị xã An Khê	194	46	26	13	-50,00	28,26
17	Thị xã Ayun Pa	69	14	2	6	200,00	42,86
TỔNG CỘNG		4120	770	286	345	20,63	44,81



THÔNG KÊ TAI NẠN GIAO THÔNG 6 THÁNG NĂM 2018 PHẦN ĐIỂM HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(từ ngày 16/12/2018 đến ngày 15/6/2018)

Xếp thứ tự theo tiêu thức: (1) Số người chết tông, (2) Số vụ TNGT tông,

Số TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	6 THÁNG NĂM 2018						6 THÁNG NĂM 2017						So Sánh tăng (+), giảm (-); {Số tuyệt đối}						
		Số vụ TNGT xảy ra			Người chết			Người bị thương			Người bị thương			So Sánh tăng (+), giảm (-); {Số tuyệt đối (%)}						
		Tổng số vụ	Tỷ trọng (%)	Và chạm, và vụ ít nghiêm trọng	Rất nghiêm trọng	Đặc biệt nghiêm trọng	Người tỷ trọng (%)	Người tỷ trọng (%)	Số vụ	Người chết	Người bị thương	Số vụ	Người chết	Người bị thương	Số Sảnh tăng (+), giảm (-); {Số tuyệt đối (%)}					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Kbang	4	1,9	3	1		0,7	4	2,0	4	9	6	4	-2	-3	-5	-33,33	-75,00	-55,56	
2	Chư Pah	7	3,4	4	3		2,1	6	3,0	17	8	24	-10	-5	-18	-58,82	-62,50	-75,00		
3	Phú Thiện	9	4,3	6	3		2,1	13	6,4	16	5	21	-7	-2	-8	-43,75	-40,00	-38,10		
4	Chư Sê	15	7,2	3	11	1	9,2	14	6,9	11	19	40	4	-6	-26	36,36	-31,58	-65,00		
5	Chư Purh	15	7,2	10	4	1	6	4,2	15	7,4	16	8	19	-1	-2	-4	-6,25	-25,00	-21,05	
6	Ia Pa	7	3,4	3	4		4	2,8	9	4,5	15	5	21	-8	-1	-12	-53,33	-20,00	-57,14	
7	Mang Yang	8	3,9	8			8	5,6	4	2,0	9	9	28	-1	-1	-24	-11,11	-11,11	-85,71	
8	Pleiku	33	15,9	22	10	1	12	8,5	31	15,3	42	12	53	-9	0	-22	-21,43	0,00	-41,51	
9	Ayun Pa	4	1,9	1	2	1	3	2,1	3	1,5	4	3	3	0	0	0	0,00	0,00	0,00	
10	Dak Pơ	11	5,3	4	7		7	4,9	12	5,9	7	3	4	0	9	57,14	0,00	300,00		
11	Dak Đoa	12	5,8	4	6	1	11	7,7	18	8,9	9	10	9	3	1	9	33,33	10,00	100,00	
12	Ia Grai	10	4,8		10		10	7,0	8	4,0	9	8	12	1	2	-4	11,11	25,00	-33,33	
13	Chư Prông	25	12,1	4	19	2	23	16,2	21	10,4	19	18	9	6	5	12	31,58	27,78	133,33	
14	An Khê	9	4,3	2	5	2	8	5,6	7	3,5	10	6	8	-1	2	-1	-10,00	33,33	-12,50	
15	Krông Pa	15	7,2	7	8		8	5,6	13	6,4	7	6	7	8	2	6	114,29	33,33	85,71	
16	Kông Chro	6	2,9	2	3	1	6	4,2	11	5,4	9	4	11	-3	2	0	-33,33	50,00	0,00	
17	Đức Cơ	17	8,2	4	10	3	16	11,3	13	6,4	8	5	5	9	11	8	112,50	220,00	160,00	
Tỉnh Gia Lai	207	100	79	114	12	2	142	100	202	100	214	137	282	-7	5	-80	-3,27	13,65	-28,37	